

Số: 173/QĐ-UBND

Minh Tiến, ngày 27 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Cải tạo, nâng cấp  
đường GTNT xã Minh Tiến (Đoạn 1: Từ đường ĐH.64 thôn Phù Oanh đến thôn  
Kim Phương; Đoạn 2: Từ nhà ông Thắng xóm Rền đến giáp xã Tam Đa)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MINH TIẾN**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Nghị Quyết số 415/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc thông qua chủ trương phương án sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ các xã đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Nghị Quyết số 57/NQ-HĐND ngày 26/12/2023 của HĐND xã Minh Tiến về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Tiến (Đoạn 1: Từ đường ĐH.64 thôn Phù Oanh đến thôn Kim Phương; Đoạn 2: Từ nhà ông Thắng xóm Rền đến giáp xã Tam Đa);

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 12/03/2024 của UBND xã Minh Tiến về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Tiến (Đoạn 1: Từ đường ĐH.64 thôn Phù Oanh đến thôn Kim Phương; Đoạn 2: Từ nhà ông Thắng xóm Rền đến giáp xã Tam Đa);

Căn cứ Thông báo số 51/KQTĐ-KTHT ngày 10/5/2024 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Phù Cừ về việc thông báo kết quả thẩm định Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Tiến (Đoạn 1: Từ đường ĐH.64 thôn Phù Oanh đến thôn Kim Phương; Đoạn 2: Từ nhà ông Thắng xóm Rền đến giáp xã Tam Đa) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Người phê duyệt: Ủy ban nhân dân xã Minh Tiến.
2. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Tiến (Đoạn 1: Từ đường ĐH.64 thôn Phù Oanh đến thôn Kim Phương; Đoạn 2: Từ nhà ông Thắng xóm Rền đến giáp xã Tam Đa).
3. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Tiến (Đoạn 1: Từ đường ĐH.64 thôn Phù Oanh đến thôn Kim Phương; Đoạn 2: Từ nhà ông Thắng xóm Rền đến giáp xã Tam Đa).
4. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.
5. Địa điểm xây dựng: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.
6. Nhà thầu khảo sát, lập thiết kế xây dựng: công ty cổ phần tư vấn TDH.
7. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Công ty TNHH tư vấn và đầu tư xây dựng TĐT.

8. Quy mô và giải pháp thiết kế:

*8.1 Quy mô dự án:*

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.
- Cấp đường: Đường GTNT cấp A (Theo TCVN 10380:2014);
- Vận tốc thiết kế:  $V_{tk} = 30 \text{ Km/h}$ .
- Kết cấu: Mặt đường bê tông nhựa.
- Tổng chiều dài tuyến:  $L = 1.109.54 \text{ m}$ .
- Tải trọng trục thiết kế:  $P_{tk} = 6T$ .
- Quy mô mặt cắt ngang tuyến:

\* Đoạn 1:

- + Chiều rộng mặt đường  $B_{mặt} = 5,5 \text{ m}$ ; dốc ngang mặt đường hai mái  $i = 2\%$ .
- + Chiều rộng lề đường  $B_{lề\ trái} = 1 \text{ m}$ ;  $B_{lề\ phải} = 0,75 \text{ m}$ , độ dốc lề  $i = 4,0\%$ . Chiều rộng lề đường  $B_{lề} = 1,75 \text{ m}$ .

+ Chiều rộng nền đường  $B_{nền} = 7,25 \text{ m}$ .

\* Đoạn 2:

- + Chiều rộng mặt đường  $B_{mặt} = 7,0 \text{ m}$ ; dốc ngang mặt đường hai mái  $i = 2\%$ .
- + Chiều rộng lề đường  $B_{lề} = 2 \times 1,0 = 2,0 \text{ m}$ , độ dốc lề  $i = 4,0\%$ .
- + Chiều rộng nền đường  $B_{nền} = 9,0 \text{ m}$ .
- Thiết kế hệ thống thoát nước bao gồm: Cống dọc, cống ngang đường phù hợp với quy hoạch và kết nối đồng bộ với các dự án lân cận đảm bảo thoát nước hiệu quả;
- Thiết kế an toàn giao thông theo: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ “QCVN 41:2019/BGTVT”;

*8.2. Giải pháp thiết kế tuyến và công trình*

*8.2.1 Hạng mục đường giao thông:*

### a. Bình đồ, hướng tuyến

Hướng tuyến cơ bản bám theo đường hiện trạng. Đoạn 1 điểm đầu tuyến giao với đường ĐH.64 thôn Phù Oanh đến điểm cuối giáp thôn Kim Phương, chiều dài  $L=412,24\text{m}$ ; đoạn 2 điểm đầu từ nhà ông Thắng xóm Rền đến điểm cuối giáp xã Tam Đa, chiều dài  $L=697,30\text{m}$ .

Tổng chiều dài tuyến:  $L=1.109,54\text{ m}$ .

### b. Thiết kế mặt cắt dọc

Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế cao độ điểm giao cắt đầu tuyến, cuối tuyến, cao độ nền của khu vực, kết hợp hài hoà giữa các yếu tố đường cong bằng và các yếu tố đường cong đứng, đảm bảo các tiêu chuẩn thiết kế theo các quy phạm hiện hành, đảm bảo êm thuận trong quá trình vận hành xe và giảm thiểu khối lượng đào đắp cũng như khối lượng các công trình phụ trợ khác;

### c. Thiết kế mặt cắt ngang

\* Đoạn 1:

- + Chiều rộng mặt đường  $B_{\text{mặt}} = 5,5\text{m}$ ; dốc ngang mặt đường hai mái  $i=2\%$ .
- + Chiều rộng lề đường  $B_{\text{lề trái}} = 1\text{m}$ ;  $B_{\text{lề phải}}=0,75\text{m}$ , độ dốc lề  $i=4,0\%$ . Chiều rộng lề đường  $B_{\text{lề}}=1,75\text{m}$ .
- + Chiều rộng nền đường  $B_{\text{nền}} = 7,25\text{m}$ .

\* Đoạn 2:

- + Chiều rộng mặt đường  $B_{\text{mặt}} = 7,0\text{m}$ ; dốc ngang mặt đường hai mái  $i=2\%$ .
- + Chiều rộng lề đường  $B_{\text{lề}} = 2 \times 1,0 = 2,0\text{m}$ , độ dốc lề  $i=4,0\%$ .
- + Chiều rộng nền đường  $B_{\text{nền}} = 9,0\text{m}$ .

### d. Thiết kế nền đường

- Trên các đoạn đường nền đào: Cần đào hết lớp đất đến đáy móng kết cấu áo đường, đảm bảo nền đường đầm chặt. Độ dốc mái taluy nền đường đào 1/1.

- Nền đắp: Sau khi đẩy cỏ, đào bóc các lớp bùn, hữu cơ tại các vị trí mương hồ hiện trạng; đào đánh cấp tại những đoạn nền đắp trên nền thiên nhiên có độ dốc  $\geq 20\%$  và đắp nền phù hợp theo từng lớp. Độ dốc mái taluy nền đường đắp 1/1,50.

- Độ chặt nền đường đảm bảo  $k \geq 0,95$ .

- Đắp lớp đáy áo đường bằng cát đen đầm chặt K98 dày 50cm.

### e. Kết cấu áo đường

- Kết cấu áo đường tính từ trên xuống:

- + Bê tông nhựa C16 hàm lượng nhựa 5,5% dày 7cm;
- + Tưới nhựa thấm bám CSS1 tiêu chuẩn nhựa 1kg/m<sup>2</sup>;
- + Cấp phối đá dăm loại I lớp trên ( $D_{\text{max}}=25\text{mm}$ ) dày 15cm;
- + Cấp phối đá dăm loại II lớp dưới ( $D_{\text{max}}=37,5\text{mm}$ ) dày 18cm;
- + Lớp móng cát đen đầm chặt K98 dày 50cm.
- + Tôn nền đường bằng cát đen đầm chặt K95 (nếu có)

### f. Thiết kế nút giao với đường ngang

Các nút giao trên tuyến đều được thiết kế dạng nút giao cùng mức có bố trí, chiều sang và hệ thống vạch sơn, biển báo đảm bảo an toàn giao thông, khả năng thông hành, hài hoà với tuyến chính, tính thẩm mỹ cao và hạn chế tối đa khối lượng GPMB.

*g. Tổ chức giao thông*

Thiết kế hệ thống biển báo, sơn kẻ đường đồng bộ theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2019/BGTVT.

*8.2.2. Hạng mục hệ thống thoát nước, tường chắn*

*a. Hệ thống thoát nước.*

*\* Đoạn 1:*

- Thoát nước dọc: Thoát nước tự nhiên.

- Thoát nước ngang: Hệ thống cống thoát nước bao gồm cống tròn D800, cống tròn D500 tại vị trí Km0+121.0 và Km0+297.10.

+ Kết cấu cống tròn D800: Móng đỡ BTXM M150 đá 2x4 trên lớp đá dăm đệm móng dày 10cm, đáy móng gia cố cọc tre D(6-8) mật độ 25m/cọc dài cọc 2,5m; Ống cống sử dụng ống cống BTCT D800 M300 đúc sẵn tải trọng tương đương HL93; nối ống cống bằng phương pháp xắm. Tường đầu, hèm phai thượng lưu đỡ BTXM M200 đá 1x2. Thượng lưu cống thiết kế giàn van bằng thép, cánh phai thép, sử dụng máy đóng mở V1. Hạ lưu cống gói trên tường chắn bên phải tuyến.

+ Kết cấu cống tròn D500 các đoạn qua đường: Móng đỡ BTXM M150 đá 2x4 trên lớp đá dăm đệm 2x4 dày 10cm, đáy móng gia cố cọc tre D(6-8) mật độ 25m/cọc dài cọc 2,5m; Ống cống sử dụng ống cống BTCT D500 M300 đúc sẵn tải trọng tương đương HL93; nối ống cống bằng phương pháp xắm. Tường đầu, hèm phai thượng lưu đỡ BTXM M200 đá 1x2.

*\* Đoạn 2:*

- Thoát nước dọc: Thiết kế mới mương xây B700 bên phải tuyến từ Km0+00 đến Km0+532.90.

+ Kết cấu mương xây B700: Móng đỡ BTXM 150 đá 2x4 trên lớp đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, thân mương xây gạch không nung VXM M75, trát tường VXM M75; giếng mương đỡ BTCT M200 đá 1x2, bố trí thanh chống BTCT mật độ 5m/ thanh; bố trí khe lún bằng 2 lớp bao tải tấm 3 lớp nhựa đường mật độ 15m/khe; xây tường hộ lan trên đỉnh mương phía giáp đường bằng gạch không nung VXM M75, trát hộ lan VXM M75.

- Thoát nước ngang: Hệ thống thoát nước ngang bao gồm cống tròn D800, cống tròn D1500 và cống bản B700 tại các vị trí Km0+197.10; Km0+532.90 và Km0+694.00.

+ Kết cấu cống tròn D800: Móng đổ BTXM M150 đá 2x4 trên lớp đá dăm đệm móng 2x4 dày 10cm, đáy móng gia cố cọc tre D(6-8) mật độ 25m/cọc dài cọc 2,5m; Ống cống sử dụng ống cống BTCT D800 M300 đúc sẵn tải trọng tương đương HL93; nối ống cống bằng phương pháp xắm. Tường đầu mương xây gạch không nung VXM M75, trát VXM M75. Hạ lưu cống gô trên tường chắn bên phải tuyến.

+ Kết cấu cống tròn D1500: Móng đổ BTXM 150 đá 2x4 trên lớp đá dăm đệm móng 2x4 dày 10cm, đáy móng gia cố cọc tre D(6-8) mật độ 25m/cọc dài cọc 2,5m; Ống cống BTCT D1500 M300 đúc sẵn tải trọng tương đương HL93; nối ống cống bằng phương pháp xắm. Thượng lưu cống đổ BTXM M200 đá 1x2. Thượng lưu cống thiết kế giàn van bằng thép, cánh phai BTCT M250 đá 1x2, sử dụng máy đóng mở V1. Hạ lưu cống gô trên tường chắn bên phải tuyến. Hạ lưu cống gô trên tường chắn bên phải tuyến.

+ Kết cấu cống bản B700: Móng đổ BTXM M150 đá 2x4 trên lớp đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, thân cống xây gạch không nung VXM M75, trát cống VXM M75; Cống đáy tấm đan BTCT M250 đá 1x2.

*b. Hệ thống tường chắn.*

*Thiết kế tường chắn những đoạn qua ao, mương để ổn định nền đường:*

*- Tuyến 1:*

| Ký hiệu     | Lý trình   |   |            | Vị trí     | Chiều dài     |
|-------------|------------|---|------------|------------|---------------|
| Đoạn 1      | Km0+00     | - | Km0+121,48 | Trái tuyến | 123,40m       |
| Đoạn 2      | Km0+128,7  | - | Km0+289,20 | Trái tuyến | 178,0m        |
| Đoạn 3      | Km0+341,0  | - | Km0+360,2  | Trái tuyến | 19,20m        |
| Đoạn 4      | Km0+362,5  | - | Km0+397,8  | Trái tuyến | 35,3m         |
| Đoạn 5      | Km0+400,24 | - | Km0+412,24 | Trái tuyến | 12,0m         |
| <b>Tổng</b> |            |   |            |            | <b>367,9m</b> |

*- Tuyến 2:*

| Ký hiệu     | Lý trình   |   |            | Vị trí     | Chiều dài     |
|-------------|------------|---|------------|------------|---------------|
| Đoạn 1      | Km0+00     | - | Km0+188,0  | Phải tuyến | 191,3m        |
| Đoạn 2      | Km0+189,20 | - | Km0+264,10 | Phải tuyến | 75,1m         |
| Đoạn 3      | Km0+265,1  | - | Km0+527,3  | Phải tuyến | 263,7m        |
| Đoạn 4      | Km0+533,9  | - | Km0+697,3  | Phải tuyến | 164,0m        |
| <b>Tổng</b> |            |   |            |            | <b>694,1m</b> |

+ Kết cấu tường chắn: Móng tường chắn đổ BTXM M150 đá 2x4 trên lớp đệm đá dăm 2x4 dày 10cm đáy móng gia cố cọc tre D(6-8) mật độ 25cọc/m, dài cọc 2,5m; thân tường chắn đổ BTXM M150 đá 2x4. Kè mái tay luy xây đá học vữa XMCV M100; đỉnh tường chắn bố trí tường bảo vệ BTXM M200 đá 1x2, móng tường bảo vệ M100 đá 4x6. Bố trí khe lún bằng 2 lớp bao tải tấm 3 lớp nhựa đường mật độ 15m/khe; 2,5m bố trí 1 hố thu nước sau kè.

(Các nội dung khác theo như hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã thể hiện)

9. Giá trị dự toán xây dựng: **22.085.956.000 đồng.**

(Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ không trăm tám mươi năm triệu chín trăm lăm mươi sáu nghìn đồng./.)

Trong đó:

|                         |   |                |      |
|-------------------------|---|----------------|------|
| - Chi phí xây dựng      | : | 11.166.919.000 | đồng |
| - Chi phí quản lý dự án | : | 450.209.000    | đồng |
| - Chi phí tư vấn        | : | 1.218.389.000  | đồng |
| - Chi phí khác          | : | 284.302.000    | đồng |
| - Chi phí dự phòng      | : | 1.966.137.000  | đồng |

10. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách cấp trên hỗ trợ, ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2023-2025.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo nội dung Điều 1 của Quyết định này và triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của nhà nước về quản lý dự án, quản lý chất lượng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

**Điều 3.** Các Ông (Bà): Chủ tịch; các phó Chủ tịch, Văn phòng UBND, Ban quản lý xây dựng công trình và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Ngô Văn Quyên**